

ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA DÂN TỘC QUA TRUYỆN KỂ THẠCH SANH LÝ THÔNG (NGƯỜI KINH) VÀ CHAU SANH CHAU THÔNG (NGƯỜI KHMER)

CHARACTERISTICS OF NATIONAL CULTURE THROUGH THE STORY OF THACH SANH LY THONG (KINH) AND CHAU SANH CHAU THONG (KHMER)

*Lê Thị Diễm Phúc**

1. Đặt vấn đề

Với những đặc điểm đặc trưng thể loại của mình, văn học dân gian có vai trò phản ánh văn hóa tộc người một cách rõ nét. Theo tác giả Nguyễn Xuân Kính “*Văn học dân gian là thành tố của văn hóa, có nhiều lợi thế trong việc phản ánh sâu sắc bản sắc văn hóa dân tộc, thể hiện cách cảm, lối nghĩ của dân tộc*” (Nguyễn Xuân Kính (2003): 94). Vì thế, khi tìm hiểu về văn hóa của các dân tộc thì việc nghiên cứu văn học dân gian là điều không thể bỏ qua.

Người Kinh và người Khmer là các dân tộc anh em cùng cộng cư trên một lãnh thổ. Trải qua quá trình phát triển trong mạch nguồn văn hóa Việt Nam, mỗi dân tộc đều có cho mình một nền văn hóa với nhiều nét riêng không hòa lẫn. Trong đó, văn học dân gian mà cụ thể là truyện cổ chính là một ví dụ điển hình. Chúng ta có thể thấy, giữa truyện cổ Việt Nam và truyện cổ Khmer tồn tại nhiều câu chuyện có cốt truyện tương tự nhau. Tuy nhiên chính từ những câu chuyện ấy ta mới thấy được nét riêng trong văn hóa của mỗi dân tộc qua cách sử dụng các hình ảnh, các tình tiết mang dấu ấn đặc trưng văn hóa của dân tộc mình.

Nhằm làm rõ điều nói trên, người viết sẽ đi sâu phân tích những chi tiết mang đặc trưng văn hóa dân tộc từ truyện kể *Thạch Sanh Lý Thông* của người Kinh và *Chau Sanh Chau Thông* của người Khmer. Nghiên cứu cứu này dựa trên việc đặt tác phẩm văn học dân gian trong sự tương tác phức hợp giữa lịch sử và văn hóa. Từ đó, chúng ta có thể nhận diện nguồn gốc các loại hình văn hóa với đặc trưng vùng, địa phương rõ nét qua phong tục tập quán, tín ngưỡng, lối sống,... Không những thế, điều đó còn thể hiện được tính hòa hợp trong đa dạng của mối quan hệ văn hóa giữa các dân tộc Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Xu hướng nghiên cứu văn hóa tộc người qua so sánh truyện kể dân gian các dân tộc

“*Sự cần thiết của việc nghiên cứu so sánh văn hóa của 54 tộc người trên cùng lãnh thổ Việt Nam, nhất là giữa văn hóa của người Kinh (Việt) và văn hóa các tộc người khác từ lâu đã được giới nghiên cứu văn hóa Việt Nam đề cập đến. Theo nhiều nhà nghiên cứu văn hóa*

* Thạc sĩ, Đại học Trà Vinh.

*Việt Nam, nghiên cứu so sánh văn hóa người kinh với văn hóa các tộc người khác cư trú trên cùng lãnh thổ Việt Nam thực chất là đặt văn hóa Việt nam vào bối cảnh Đông Nam Á để phân tích, nhận diện*¹. Văn học dân gian là một bộ phận của văn hóa, chính vì thế nó mang tất cả những đặc trưng văn hóa, nó đã phản ánh, lưu giữ và tích hợp được nhiều giá trị văn hóa dân tộc. Vì thế, văn học dân gian trở thành đối tượng nghiên cứu đáng giá, là nguồn tài liệu quý báu cho các nhà nghiên cứu về văn hóa. Trong đó, truyện kể là một thể loại tiêu biểu.

Truyện kể dân gian có khả năng phản ánh khá toàn diện mọi mặt cuộc sống của con người trong các ứng xử khác nhau như ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Cụ thể hơn, truyện kể dân gian còn thể hiện rõ thế giới quan và nhân sinh quan của mỗi dân tộc cùng với quan niệm về thiên nhiên, về nguồn gốc loài người, tộc người, về lao động sản xuất, về quan hệ giữa con người với thiên nhiên, con người với con người trong xã hội cộng đồng làng bản, về đấu tranh chống lại mọi kẻ thù mọi thế lực xấu xa tàn bạo để hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn cho dù đó mới chỉ là trong ước vọng². Cũng như các tác phẩm văn nghệ dân gian khác, truyện kể dân gian đã “trở thành bằng chứng độc đáo cho lịch sử tư tưởng, triết lý của một dân tộc, nơi thể hiện tâm tư, ước vọng, tâm hồn tình cảm, thị hiếu thẩm mỹ,... của một dân tộc” (Đặng Văn Lung (2004): 11).

Truyện kể dân gian cũng như mọi hiện tượng văn học dân gian khác vừa là hiện tượng sinh hoạt chứa nội dung văn hóa, vừa là hiện tượng thẩm mỹ, phản ánh hiện thực bằng các hình tượng văn học. Do vậy, nghiên cứu truyện kể dân gian theo cách tiếp cận giải mã văn hóa dân gian từ ngọn nguồn văn hóa theo các mối quan hệ loại hình văn hóa tộc người có thể sẽ mang lại những giá trị mới trong việc nghiên cứu thể loại văn học dân gian³.

Chính vì thế, việc tiếp cận văn hóa dân tộc từ việc nghiên cứu so sánh truyện kể dân gian hiện nay là một xu hướng được nhiều nhà khoa học quan tâm. Như PGS.TS Nguyễn Chí Bền nhấn mạnh nghiên cứu so sánh văn hóa của các tộc người ở Việt Nam hiện nay là một hướng nghiên cứu cần thiết bởi chỉ qua so sánh mới hy vọng tìm ra nét bản sắc văn hóa của mỗi tộc người. Cũng trong xu hướng đó, hiện nay chúng ta đã có không ít công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Nguyễn Tấn Đắc với “*Mối giao lưu và tương tác văn hóa giữa các dân tộc Đông Nam Á qua kiểu truyện kể Tấm Cám*”; Đặng Việt Bích với “*Tìm hiểu quan hệ giữa truyện dân gian của người Tày và người Thái với truyện dân gian của người Việt*”; Nguyễn Thị Bích Hà với “*Vận dụng lý thuyết văn học so sánh tìm hiểu kiểu truyện người em trong truyện cổ tích Việt Nam và châu Âu*”; Nguyễn Thị Huệ với “*Về những nét tương đồng giữa truyện Họ Hồng Bàng (người Việt) với mo Đẻ đất đẻ nước (người Mường)*”; Hà Đình Thành với “*Tìm hiểu yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo trong một số truyện kể dân gian Tày, Nùng*”; Vũ Anh Tuấn với “*Suy nghĩ về một số biểu tượng đặc thù trong truyện cổ dân gian miền núi*”; Hà Thị Thu Hương với “*Mối quan hệ văn hóa Tày - Việt dưới góc độ thẩm mỹ qua một số kiểu truyện kể dân gian cơ bản*”,... Bằng việc sử dụng

¹ Hà Thị Thu Hương. *Tiếp cận văn hóa tộc người Việt Nam bằng con đường nghiên cứu so sánh truyện kể dân gian*. <https://tailieu.vn/doc/tiep-can-van-hoa-cac-toc-nguoi-viet-nam-bang-con-duong-nghien-cuu-so-sanh-truyen-ke-dan-gian-1791801.html>.

² Hà Thị Thu Hương, Tài liệu đã dẫn.

³ Hà Thị Thu Hương, Tài liệu đã dẫn.

thao tác nghiên cứu so sánh - một thao tác qua trọng được dùng trong nhiều ngành khoa học mà đặc biệt là trong nghiên cứu văn hóa dân gian, để đã giải quyết được vấn đề cơ bản phát sinh trong bản thân đối tượng, các tác giả đã thực hiện việc sưu tầm, đối chiếu nhiều truyện viết, truyện kể khác nhau nhằm xác minh nguồn gốc của truyện, các tình tiết, xác minh sự nhất quán về tính cách nhân vật,... qua đó giải mã những đặc trưng, biểu trưng trong văn hóa mỗi dân tộc. Chính từ việc so sánh, các công trình nói trên đã làm nổi bật mối quan hệ giữa văn hóa dân tộc và truyện kể dân gian để từ đó mở ra thêm nhiều hướng nghiên cứu mới đầy triển vọng trên lĩnh vực này.

Không những thế, các những nghiên cứu trên còn góp phần đưa việc nghiên cứu folklore Việt Nam vào quỹ đạo chung của truyền thống nghiên cứu so sánh trong folklore học thế giới. Phương pháp nghiên cứu so sánh của các nhà dân tộc học và folklore học theo thuyết tiến hóa đã từng được coi như một thứ chìa khóa dùng để “giải mã” nhiều điều bí ẩn trong folklore của dân tộc. Phương pháp nghiên cứu so sánh như thế không những có khả năng phân biệt, nhận thức rõ được những mô hình của tính cách địa phương hoặc tính cách dân tộc, mà còn giúp ta hiểu rõ được cái cách thức folklore đã biến đổi như thế nào để thích ứng với môi trường. Như vậy phương pháp so sánh trong nghiên cứu văn hóa dân gian có thể có nhiều dạng thức khác nhau, tùy theo tính chất của những hiện tượng được dùng làm đơn vị so sánh (môtip, cốt truyện, cấu trúc thể loại, mô hình văn hóa địa phương hoặc dân tộc,...), tùy theo cấp độ và quy mô so sánh (giữa các địa phương, các dân tộc, các khu vực lịch sử - văn hóa,...), tùy theo mục đích của việc nghiên cứu so sánh (tìm hiểu ý nghĩa hoặc các lớp nghĩa của một đơn vị folklore, nghiên cứu nguồn gốc hay đời sống lịch sử hay quan hệ ảnh hưởng lẫn nhau của folklore thuộc các nền văn hóa khác nhau), tùy theo cách tiếp cận (tiếp cận lịch đại hay tiếp cận đồng đại),...

Kế thừa từ những thành quả mà các nhà nghiên cứu trước đã làm được, để tiếp cận phân tích nét đặc trưng văn hóa dân tộc qua truyện kể Thạch Sanh Lý Thông (người Kinh) và Chau Sanh Chau Thông (người Khmer), người viết cũng dựa trên hướng nghiên cứu nói trên với hy vọng làm sáng tỏ những nét văn hóa khác nhau của mỗi dân tộc trong sự so sánh các chi tiết từ hai truyện kể.

2.2. Đặc trưng văn hóa dân tộc qua truyện kể Thạch Sanh Lý Thông (người Kinh) và Chau Sanh Chau Thông (người Khmer)

2.2.1. Vài nét về truyện kể Thạch Sanh Lý Thông (người Kinh) và Chau Sanh Chau Thông (người Khmer)

Truyện kể Thạch Sanh Lý Thông (người Kinh) và Chau Sanh Chau Thông (người Khmer) thuộc kiểu truyện dũng sĩ với mô tip khá phổ biến không chỉ ở Việt Nam mà còn ở nhiều nước Đông Nam Á. Truyện xoay quanh các mô tip như: Dũng sĩ diệt chằn tinh, dũng sĩ diệt đại bàng cứu người đẹp, người em hiền lành bị anh hãm hại, cứu con vua Thủy Tề được trả ơn, người căm. Truyện phản ánh những xung đột trong các mối quan hệ giữa con người với con người (anh em kết nghĩa, gia đình hoàng tộc với những người thường dân) và giữa con người với thế giới tự nhiên (giữa nhân dân với chằn tinh, chim đại bàng). Cũng

giống như *Thạch sanh Lý Thông*, truyện kể *Chau Sanh Chau Thông* cũng được lưu truyền rất phổ biến trong xã hội người Khmer Nam Bộ. Nhìn chung về cốt truyện thì hai truyện khá giống nhau. Tuy nhiên, giữa truyện kể *Thạch Sanh Lý Thông* và *Chau Sanh Chau Thông* có những điểm khác nhau khi nói về sự có mặt của Thạch Sanh và chi tiết chống giặc ngoại xâm. Để làm rõ điều này chúng ta có thể quan sát bảng sau:

Truyện Thạch Sanh Lý Thông	Truyện Chau Sanh Chau Thông
- <i>Về sự xuất hiện của Thạch Sanh:</i> Xưa ở quận Cao Bình có gia đình bác tiểu phu Thạch Nghĩa, vợ chồng tuổi cao mà vẫn không con. Ông bà lo buồn và ra sức làm việc nghĩa. Ông thì sửa cầu, sửa cống, khơi rãnh, đắp đường. Bà thì nấu nước cho người qua đường uống. Việc làm của gia đình họ Thạch thấu đến trời, Ngọc Hoàng cho Thái tử đầu thai xuống trần làm con nhà họ Thạch. Thạch bà thụ thai ba năm, chưa sinh con thì Thạch ông mất. Sau đó, Thạch bà sinh một con trai khôi ngô tuấn tú đặt tên là <u>Thạch Sanh</u>. - <i>Tình tiết kết thúc truyện :</i> Truyện <i>Thạch sanh Lý Thông</i> được kết thúc bằng tình tiết: Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh, vì lý do đó nên các nước chư hầu đã kéo đến hỏi tội. Thạch Sanh lại lần nữa thể hiện tài năng và sức mạnh của mình khi không đánh mà chiến thắng các nước chư hầu nên được vua truyền ngôi và lên trị vì vương quốc.	- <i>Về sự xuất hiện của Chau Sanh:</i> Ngày xưa, ở một khu rừng, cách xa kinh thành của vua Pờ-rum Mờ-tót có hai vợ chồng tuổi đã già mà chưa có con. ... Một hôm ông lão vác búa vào rừng thì nghe tiếng trẻ khóc ở mé bụng. Ông vội vã băng rừng chạy đến. Thấy một bé trai bụng bầm nằm trong chiếc hoa sen giữa bụng, ông bèn lội xuống tắm rửa bé về nhà nuôi và đặt tên là Chau Sanh. - <i>Tình tiết kết thúc truyện:</i> Truyện <i>Chau Sanh Chau Thông</i> của người Khmer không có tình tiết chống ngoại xâm. Truyện kết thúc bằng chi tiết nhà vua ra lệnh trừng trị hai mẹ con Chau Thông và truyền ngôi lại cho Chau Sanh vì thấy rằng mình cũng đã già yếu.

2.2.2. Phân tích nét đặc trưng văn hóa dân tộc qua so sánh truyện *Thạch Sanh Lý Thông* và *Chau Sanh Chau Thông*

Ngoại trừ, những điểm trên thì nói về cốt truyện, hai câu chuyện này có kết cấu khá giống nhau. Tuy nhiên, trong cái chung ấy, nếu người đọc hiểu biết về văn hóa của hai dân tộc thì sẽ dễ dàng nhận ra những nét đặc trưng về văn hóa được thể hiện qua các truyện kể bằng những chi tiết và hình ảnh rất đặc trưng. Qua bảng so sánh dưới đây chúng ta sẽ thấy rõ điều đó:

Hình ảnh, tình tiết mang đặc trưng văn hóa	Truyện Thạch Sanh Lý Thông	Truyện Chau Sanh Chau Thông
- Cây gắn với nhân vật	Cây đa	Cây dầu
- Không gian sống	Quận, vùng	Phum, sóc
- Ác thú	Trăn tinh	Chằn tinh
- Chim ác	Đại bàng	Krud
- Cách gọi tên	Họ và tên (Thạch Sanh, Lý Thông)	Từ để gọi và tên (Chau Sanh, Chau Thông)

Qua bảng trên chúng ta thấy, tuy số lượng tình tiết và hình ảnh được sử dụng khác nhau không nhiều, nhưng mỗi tình tiết, hình ảnh có giá trị cao trong việc đại diện cho văn hóa dân tộc.

*** Về hình ảnh loài cây gắn với nhân vật**

Đầu tiên chúng ta có thể thấy hình ảnh loài cây gắn với nhân vật chính trong mỗi truyện cũng được sử dụng khác nhau. Trong truyện *Thạch Sanh Lý Thông* chúng ta thấy hình ảnh cây đa gắn với sự trưởng thành của Thạch Sanh. Điều này có thể hiểu được vì trong văn hóa người Việt (Kinh) thì cây đa cũng là một biểu tượng văn hóa. Gốc đa là nơi trẻ nhỏ nô đùa, thỏa thích nhặt búp, hái lá, chơi những trò chơi dân gian. Gốc đa cũng là nơi dân làng ngồi nghỉ chân sau những giờ lao động mệt nhọc, trước khi về làng hoặc đi khỏi làng. Gốc đa còn là nơi hẹn hò của trai gái. Cây đa chính là biểu tượng của làng quê, nó vừa mang ý nghĩa hiện thực vừa có ý nghĩa tâm linh. Nếu như người Kinh xem cây đa như một loài cây linh thiêng trong văn hóa của mình thì người Khmer lại có cây dầu. Trong câu chuyện *Chau Sanh Chau Thông*, cây dầu cũng gắn liền với đời sống của nhân vật Chau Sanh, nó không chỉ thể hiện sức mạnh của chàng trai trẻ khi một mình vác được cây dầu to mà nhờ cây dầu ấy, nhà Chau Sanh lại tìm được kẻ sinh nhai đồng thời chàng cũng giúp được bà con trong phum sóc. Cây dầu trong đời sống của người Khmer vô cùng quan trọng, nó cũng được xem là một biểu tượng văn hóa của người Khmer. Nếu ai có dịp ghé các chùa Khmer, chúng ta sẽ choáng ngợp trước những rừng dầu cổ thụ xanh ngắt bao quanh ngôi chùa. Không những thế vào đến các phum sóc của người Khmer, cây dầu cũng được người dân trồng ở trước nhà. Hiện nay, vì một số lý do mà chúng ta sẽ ít thấy cây dầu phổ biến ở trước nhà của người Khmer như xưa tuy nhiên nếu nhà nào còn thì cây dầu ấy sẽ rất lớn. Cây dầu cũng trở nên linh thiêng trong văn hóa của người Khmer. Thật vậy, nhắc đến Trà Vinh, người ta sẽ nhớ đến cây dầu cổ thụ nghìn tuổi mà người dân địa phương gọi là cây dầu dù. Có nhiều câu chuyện linh thiêng được kể xoay quanh cây dầu này. Điều này đã thu hút nhiều đoàn khác để tham quan và cầu bình an, may mắn cho gia đình.



Hình 1. Cây dầu dù tại tỉnh Trà Vinh

Nguồn: Internet.

* Về không gian sống

Khi so sánh hai truyện *Thạch Sanh Lý Thông* và *Chau Sanh Chau Thông* nét khác biệt dễ thấy đó là không gian sống của nhân vật. Truyện *Thạch Sanh Lý Thông* được kể trong không gian là quận Cao Bình (nơi Thạch Sanh được sinh ra), là vùng (nơi có Chăn tinh). Còn trong truyện *Chau Sanh Chau Thông* thì không gian sống đặc trưng của các nhân vật là phum, sóc. Chúng ta thấy ở đây có nét khác biệt về văn hóa tổ chức cộng đồng. Nếu người Kinh có văn hóa tổ chức làng, xã thì người Khmer có văn hóa tổ chức phum sóc. Hình thức tổ chức cộng đồng cơ sở của người Khmer là “*phum*” (làng), bao gồm vài ba gia đình có quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân với nhau, phát triển từ công xã thị tộc mẫu hệ nguyên thủy, đứng đầu là “*mê phum*”. Nhưng cũng có “*phum*” lớn, bao gồm cả trăm gia đình thuộc nhiều dòng họ khác nhau. Các gia đình trong “*phum*” là những đơn vị kinh tế độc lập, có ruộng đất, tài sản, sinh hoạt và sản xuất riêng. Hình thức tổ chức cao hơn “*phum*” là “*khum*” và trên thực tế đã được thay thế bằng đơn vị xã. Nhưng hình thức tổ chức “*srok*” hay còn gọi là “*sóc*” (xóm) thì vẫn còn tồn tại. Mỗi “*sóc*” bao gồm vài chục phum lớn nhỏ. Ranh giới giữa các “*sóc*” thường được xác định qua vị trí ngôi chùa và tên gọi riêng của “*sóc*”. Đứng đầu sóc là “*mê sóc*”, giúp việc là ban quản trị sóc do dân sóc bầu ra. Bên cạnh bộ máy tự quản của sóc là bộ máy quản lý của chùa gồm một vị sư cả, các vị sư cả nhì, giúp việc cho họ là một ban quản trị chùa và các “*quên*” (tổ) là tổ chức quần chúng tín đồ. Sự vận hành của “*sóc*” dựa trên tập quán truyền thống và những định chế của Phật giáo. Cũng như làng ấp của người Việt Nam Bộ, “*sóc*” của người Khmer Nam Bộ không có sự phân biệt đáng kể giữa dân chính cư và dân ngụ cư.

* Về hình ảnh ác thú

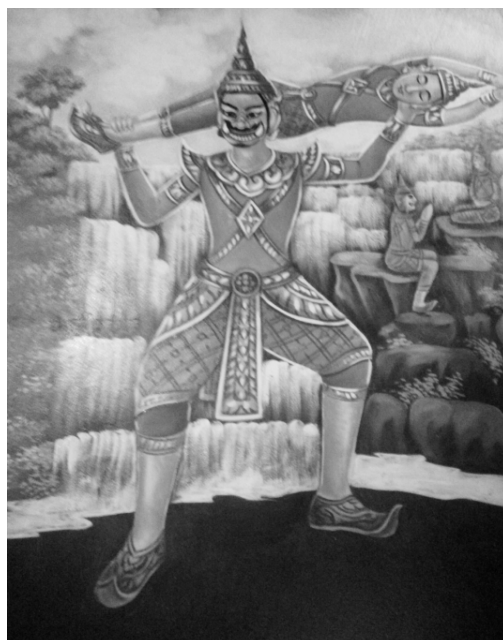
Hình ảnh Trăn tinh và Chăn tinh trong hai truyện cũng là điểm tạo nên sự khác biệt và làm nổi bật nét đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc qua truyện kể. Chăn tinh trong truyện *Thạch Sanh Lý Thông*, sau khi bị Thạch Sanh đánh bại thì hiện nguyên hình thành trăn tinh. Như vậy về nguồn gốc thì ác thú này chính là trăn tinh. Điều này dễ lý giải vì trong văn hóa người Việt hình ảnh trăn tinh được xem như một biến thể khác của rắn cũng là một hình ảnh quen thuộc nó không chỉ xuất hiện trong nhiều truyện kể mà còn xuất hiện trong các loại hình nghệ thuật. Trước hết, rắn với biến thể là trăn có thể tìm thấy khá nhiều trong các câu chuyện cổ tích. Dưới hình dạng của trăn hay chăn tinh, rắn thường biểu trưng cho thế lực cái ác, phản ánh ước nguyện của dân chúng trong cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. Trong đó người hiền lành, tốt bụng sẽ gặp điều may mắn, những kẻ độc ác, gian dối thì bị trừng trị. Không chỉ để lại ấn tượng sâu sắc trong lĩnh vực văn học, tích chuyện Thạch Sanh đánh chăn tinh hiện còn được lưu lại trong dòng tranh dân gian Đông Hồ. Không chỉ xuất hiện hiện với hình ảnh là ác thú, trong truyện “*Rể trăn*”, hai con trăn lại xuất hiện hoàn toàn đối lập nhau: một con là hiện thân của chàng trai có diện mạo đẹp đẽ, hiền lành, tốt bụng, con còn lại có hình hài gớm ghiếc chuyên đi hại người. Con trăn hiền lành biết giúp đỡ người khác dễ dàng nhận được tình cảm yêu mến của con người, trong khi con trăn chuyên đi hại người bị nhận kết cục tồi tệ là cái chết.

Cũng là hình ảnh Chăn tinh, nhưng trong truyện *Chau Sanh Chau Thông*, lại là một nhân vật chăn hoàn toàn khác. Nhân vật chăn mang đặc trưng văn hóa dân tộc. Hình tượng chăn được thể hiện dưới dạng một người khổng lồ với khuôn mặt rất dữ tợn: mắt lồi, trợn to, mày xéch, miệng rộng, mũi to, hai răng nanh dài, nhọn, toàn thân mặc giáp trụ, đầu đội mũ nhọn, tay cầm gậy, hai chân hơi khuỳnh ra. Nói về nhân vật Chăn trong văn hóa Khmer, người ta có thể xem đó là một dấu ấn trong ảnh hưởng với văn hóa Ấn Độ, và các nhà nghiên cứu xác định hình tượng chăn xuất phát từ văn hóa Bàlamôn. Đến khi Phật giáo trở nên phổ biến trong đời sống cư dân Khmer thì Bàlamôn giáo trở thành tàn dư, hình tượng này cũng chính vì thế đã có sự biến đổi về ý nghĩa, trở thành một hình tượng bảo vệ ngôi chùa. Về tính chất chung, chăn được xem là hình tượng của một nhân vật ác. Quan niệm về chăn khá phổ biến trong nếp nghĩ của người dân Khmer là dạng quỷ ác, xấu xa. Sự ảnh hưởng này khiến hình tượng chăn trở nên đa dạng, phong phú trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội của người Khmer. Hình tượng Chăn được xuất hiện nhiều trong đời sống của người Khmer Nam Bộ, không chỉ trong truyện kể dân gian mà người ta còn thường thấy nhân vật này trong điêu khắc, mỹ thuật, biểu diễn sân khấu,...



Hình 2: Chăn được điêu khắc trên tháp ở chùa

Nguồn: Lê Thị Diễm Phúc.



Hình 3: Chăn trong hình vẽ trên chính điện ở chùa

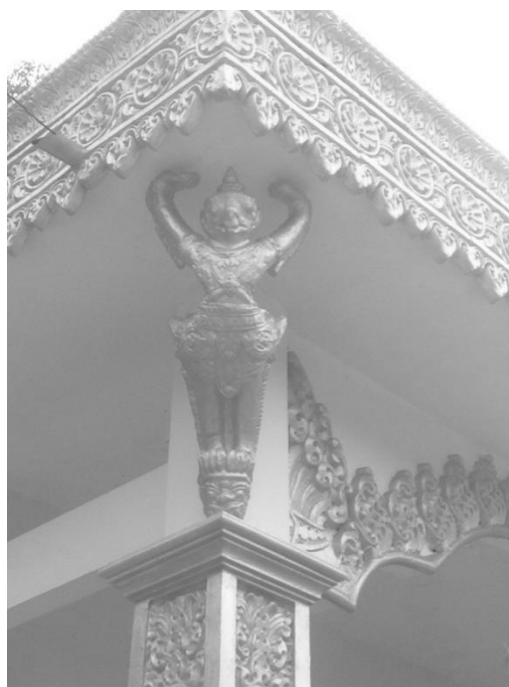
Nguồn: Lê Thị Diễm Phúc.

* Về hình ảnh chim ác

Nếu trong truyện *Thạch Sanh Lý Thông* chim ác xuất hiện gặp công chúa đi là hình ảnh đại bàng thì trong truyện *Chau Sanh Chau Thông* lại là chim Krud (vẫn có một số dị bản là chim đại bàng). Có thể nói, trong văn hóa người Kinh chim đại bàng vốn rất quen thuộc nó có khi là loài chim ác có sức mạnh làm con người sợ hãi cũng có khi là con vật đại diện cho

lễ phải sự biết ơn, giúp đỡ người em và trừng trị người anh trong truyện “Cây khế”. Từ trong truyện cổ tích, bước ra hiện thực, trong đời sống hình ảnh chim đại bàng xuất hiện trong các lĩnh vực như mỹ thuật, điện ảnh, điêu khắc, kiến trúc nó đại diện cho sức mạnh và nghị lực phi thường để tiến đến thành công.

Lại nói đến hình ảnh chim Krud trong truyện *Chau Sanh Chau Thông*, tuy có một số câu chuyện cũng đề cập đến hình ảnh chim đại bàng đến gấp công chúa đi như mô típ truyện người Kinh nhưng phần lớn các truyện khác lại đề cập đến hình ảnh chim Krud thay vì đại bàng. Vậy Krud là chim gì? Nếu những ai quan tâm đến văn hóa của người Khmer chắc hẳn sẽ biết được hình ảnh chim thần Krud được điêu khắc phổ biến trên mái chính điện các chùa Khmer.



Hình 4: Chim thần Krud đỡ mái chính điện chùa

Nguồn: Lê Thị Diễm Phúc.

Chim thần Krud cũng là một trong những nhân vật đại diện cho sự ảnh hưởng từ văn hóa Ấn Độ. Đó là một con vật linh thiêng, được bắt nguồn từ thần thoại Ấn Độ cổ đại, gọi là Garuda, Garuda là con vật được thần Visnu - một trong những vị thần tối thượng của Bàlamôn giáo dùng để cưỡi. Hình tượng của chim thần Krud đã đi sâu vào đời sống tâm linh, thẩm mỹ của người Khmer bằng sự thể hiện tài hoa qua những công trình kiến trúc tôn giáo. Nó thể hiện tính hòa hợp giữa Phật giáo và Bàlamôn giáo. Chim thần Krud có một hình thể khổng lồ, dữ tợn được biểu hiện một loài chim săn mồi, có hình đầu người, 03 mắt và chiếc mỏ nhọn và cong quắp, cùng móng chân sắc nhọn và có một sức mạnh khủng khiếp có thể hủy diệt cả vũ trụ. Mặc dù trong câu chuyện hình tượng Krud xuất hiện là một loài chim ác nhữnng trong đời sống hiện thực, người Khmer xem chim thần Krud như lực

lượng siêu nhiên, là vị thần tối cao được tôn kính. Chim thần Krud là hiện thân của cái thiện giúp đỡ những người gặp phải hoạn nạn, khó khăn chống lại cái ác, trừng trị kẻ ác. Có lẽ xuất phát từ ý nghĩa trên, nên các nghệ nhân Khmer thường dùng hình tượng chim thần trang trí trong những ngôi chùa.

* Về cách gọi tên

Nói về cách gọi tên trong truyện *Thạch Sanh Lý Thông*, đọc vào tên của hai nhân vật trong truyện này, chúng ta thấy ngay đó là cách gọi tên theo kiểu truyền thống của người Kinh bao gồm có yếu tố họ ghép với yếu tố tên: Thạch Sanh = Thạch (họ) + Sanh (tên); Lý Thông = Lý (họ) + Thông (tên). Đó cũng chính là cách gọi tên và đặt trên truyền thống của người Kinh. Tên gồm có ba phần chính: Họ + Tên đệm + Tên chính. Họ được đặt ở đầu, trước tên đệm và tên chính. Họ là để phân biệt huyết thống, tên chính dùng để phân biệt người này với người khác (cũng là nét đặc trưng của từng người), còn tên đệm (có thể có hoặc không) thường dùng để phân biệt giới tính (“thị” dùng cho nữ, “văn” dùng cho nam,...). Người Việt lấy họ theo họ của cha. Chính vì truyền thống này mà trong văn hóa người Kinh có cách gọi tên gia đình theo họ của gia đình ấy. Như trong truyện này ta thấy có cách gọi “*mẹ con nhà họ Lý*” để chỉ mẹ con của Lý Thông. “*Thấy có người lạ tự nhiên đến săn sóc mình, Thạch sanh cảm động, vui vẻ nhận lời và sau đó chàng từ giã gốc đa đến sống chung dưới mái nhà họ Lý*”. Hay “*Bà Thạch*” để chỉ mẹ của Thạch Sanh, đây là cách gọi tên người theo họ.

Từ phân tích trên, để ta có thể thấy sự khác nhau khi so sánh với cách gọi tên của hai nhân vật trong truyện *Chau Sanh Chau Thông*. Sanh, Thông là tên nhưng Chau ở đây không phải là họ. Chau được phiên âm từ ចៅ (chau) nghĩa là cháu trong tiếng Khmer. Trong tiếng Khmer có hai từ cùng nghĩa là cháu: thứ nhất là từ *kmuôi* chỉ cháu ruột trong gia đình, thứ hai là từ *chau* nghĩa là cháu trong xưng hô với người ngoài gia đình. Cách gọi này được sử dụng phổ biến trong giao tiếp của người Khmer. Ngoài câu chuyện này, chúng ta còn thấy nó được sử dụng trong nhiều câu chuyện khác như: *Chau Chây* (trong truyện *À Chây*), *Chau bai cà dăng* (trong cùng tên có nghĩa là thằng cơm cháy). Mặc dù người Khmer hiện nay cũng đặt tên có đầy đủ họ và tên như người Kinh, tuy nhiên cách xưng hô ấy vẫn được sử dụng trong đời sống hằng ngày. Điều này thể hiện một đặc trưng nữa trong văn hóa của người Khmer.

3. Kết luận

Từ việc khảo sát, so sánh truyện *Thạch Sanh Lý Thông* (người Kinh) và *Chau Sanh Chau Thông* (người Khmer) bài viết đã đưa ra những nét mang tính đặc trưng trong văn hóa của mỗi dân tộc. Mỗi hình ảnh, tình tiết sử dụng trong các câu chuyện là những hình ảnh riêng trong mỗi nền văn hóa, để từ đó đặt vào trong ngữ cảnh của câu chuyện làm nên sự khác biệt, giúp người đọc nhận diện được nền văn hóa mà nó thuộc về. Việc phân tích giúp chúng ta thấy rằng, tuy trong mẫu số chung là mô típ của truyện kể, những các hình ảnh, chi tiết được sử dụng khác nhau nó xuất phát từ trong tư duy, cách cảm, lối nghĩ riêng của mỗi

dân tộc. Điều này một lần nữa lại khẳng định tính giá trị của việc tiếp cận văn hóa dân tộc qua nghiên cứu so sánh truyện kể các dân tộc. Mặt khác cũng làm sáng tỏ hơn bức tranh văn hóa của dân tộc, góp phần vào việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc trong thời kỳ hiện đại hóa. Đúng như nhận định của tác giả Ngô Minh Hiền: “*Nghiên cứu văn hóa và mối quan hệ lịch sử văn hóa tộc người trong văn học dân gian sẽ góp phần làm sáng tỏ nhận thức về sự tồn tại của văn hóa trong trạng thái luôn vận động có sự tiếp thu, chọn lọc, lưu giữ và nuôi dưỡng để vừa đảm bảo phát triển, vừa giữ vững bản sắc cội nguồn theo tiến trình phát triển của lịch sử*” (Ngô Minh Hiền (2004): 87).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Việt Bích (2002). “Tìm hiểu quan hệ giữa truyện dân gian của người Tày và người Thái với truyện dân gian của người Việt”. *Tạp chí Dân tộc học*, 3.
2. Phan Kế Bính (1999). *Việt Nam phong tục*. Hà Nội: NXB Hà Nội.
3. Nguyễn Đồng Chi (2000). *Kho tàng Truyện Cổ tích Việt Nam tập 1*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.
4. Nguyễn Thị Bích Hà (2005). “Vận dụng lý thuyết văn học so sánh tìm hiểu kiểu truyện người em trong truyện cổ tích Việt Nam và châu Âu”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, 4.
5. Ngô Minh Hiền (2004). “Hoàng Phủ Ngọc Tường văn hóa qua cái nhìn lịch sử”. *Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật*, 3, tr.87-110.
6. Nguyễn Thi Huệ (1982). “Về những nét tương đồng giữa truyện Họ Hồng Bàng (người Việt) với mo Đẻ đất đẻ nước (người Mường)”, *Tạp chí Văn học*, số 2.
7. Hà Thị Thu Hương. “Tiếp cận văn hóa tộc người Việt Nam bằng con đường nghiên cứu so sánh truyện kể dân gian”, <https://tailieu.vn/doc/tiep-can-van-hoa-cac-toc-nguoi-viet-nam-bang-con-duong-nghien-cuu-so-sanh-truyen-ke-dan-gian-1791801.html>.
8. Hà Thị Thu Hương (2007). *Mối quan hệ văn hóa Tày - Việt dưới góc độ thẩm mỹ qua một số kiểu truyện kể dân gian cơ bản*. Luận án tiến sĩ. Hà Nội: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
9. Kiều Thu Hoạch (chủ biên) (2004). *Tổng tập văn học Dân gian người Việt. Tập 4, 5*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
10. Sơn Phước Hoan, Sơn Ngọc Sang (1999). *Truyện kể Khmer - tập 4*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.
11. Sơn Phước Hoan, Sơn Ngọc Sang (1999). *Truyện kể Khmer - tập 5*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.
12. Nguyễn Xuân Kính (2003a). *Con người môi trường và văn hóa*. NXB Khoa học xã hội.
13. Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) (2003b). *Tổng tập Văn học dân gian người Việt. Tập 19*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
14. Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (2001). *Văn học Dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục. Tái bản 2005.
15. Đặng Văn Lung (2004). *Văn hóa Thánh Mẫu*. NXB Văn hóa - Thông tin.

16. Nguyễn Tấn Đắc (1996). “Mối giao lưu và tương tác văn hóa giữa các dân tộc Đông Nam Á qua kiểu truyện kể Tấm Cám”. *Tạp chí Văn học*, 6, tr.19-23.
17. Hà Đình Thành (2002). “Tìm hiểu yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo trong một số truyện kể dân gian Tày, Nùng”. *Thông báo Văn hóa Dân gian*, tr.977-988.
18. Vũ Anh Tuấn (1984). “Suy nghĩ về một số biểu tượng đặc thù trong truyện cổ dân gian miền núi”. *Tạp chí Văn hóa Dân gian*, số 2.
19. Sơn Sang, Lâm Xai, Thạch Xarat (1998). *Chuyện kể Khmer*. Tập 2. NXB Giáo Dục.
20. Huỳnh Ngọc Trảng (1983). *Truyện cổ Khmer Nam Bộ*. Hà Nội: NXB Văn hóa.
21. Huỳnh Ngọc Trảng (1987). *Truyện Dân gian Khmer*. Tập 2. NXB Hội Văn học - Nghệ thuật Cửu Long.
22. Huỳnh Ngọc Trảng (2002). *Truyện dân gian Khmer*. NXB Đồng Nai.
23. Đặng Nghiêm Vạn (2002). *Tổng tập văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Tập 3. Quyển 1, Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng.
24. Viện Văn học (1999). *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.
25. Khoa Ngữ văn Trường Đại học Cần Thơ (1999). *Văn học dân gian Đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.